TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ
Bản án số:04/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 3 năm 2024
V/v:*"Ly hôn, nuôi con chung"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Đức Trưởng và ông Nguyễn Văn Thìn.
Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hải Long –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Ptham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Núi - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Pxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:06/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số:04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ Dân Phố 3, thị trấn Phong Hải, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Sa Đức V**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khu Minh Thanh, xã Minh Đài, huyện T, tỉnh P(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2024 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 15/6/2011, chị Nguyễn Thị L với anh Sa Đức V đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông Trường Phong Hải, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V vi phạm pháp luật do nghiện Ma túy nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, cho chị xin được ly hôn anh Sa Đức V.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Sa Khánh Băng, sinh ngày 01/5/2011; Sa Khánh Phương, sinh ngày 18/12/2013 và Sa Nguyễn Tuấn Anh, sinh

ngày 17/01/2018. Khi ly hôn chị nhận quyền nuôi dưỡng ba con chung, chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía Bị đơn anh Sa Đức V vắng mặt: Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh V vắng mặt. Để giải quyết vụ án, Tòa án cùng với đại diện UBND xã đến nhà ông Sa Đức Sử là Bố đẻ của anh Sa Đức V để tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, tài sản, công nợ và công sức giữa anh Vương; chị L. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/02/2024 ông Sa Đức Sử cho biết:

Về hôn nhân: Con trai ông là Sa Đức V cùng chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông Trường Phong Hải, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn anh V; chị L về sinh sống tại thị trấn Nông Trường Phong Hải, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Đến tháng 7 năm 2023 anh V về sinh sống cùng vợ chồng ông tại khu Minh Thanh, xã Minh Đài từ đó đến nay vợ chồng anh V; chị L không còn chung sống với nhau.

Về con chung: Vợ chồng anh V; chị L có ba con chung là cháu Sa Khánh Băng, sinh ngày 01/5/2011; Sa Khánh Phương, sinh ngày 18/12/2013 và Sa Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 17/01/2018. Hiện các cháu đang ở cùng chị L, khi ly hôn đề nghị Tòa án xem xét theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Pphát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc nhận đơn, thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Bị đơn vắng mặt không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên không tiến hành hòa giải được, nhưng đã được Thẩm phán thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho Bị đơn theo khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Pxét xử vắng mặt Bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chị L; anh V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo qui định. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L; anh V là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Sa Đức V.

Về con chung: Áp dụng khoản 1,2 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Hiện ba con chung là cháu Sa Khánh Băng, sinh ngày 01/5/2011; Sa Khánh Phương, sinh ngày 18/12/2013 và Sa Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 17/01/2018 các cháu đang ở cùng chị L. Theo nguyện vọng cháu Sa Khánh Băng và Sa Khánh Phương được ở cùng chị L và cháu Sa Nguyễn Tuấn Anh còn nhỏ cần được chăm sóc nuôi dưỡng của người Mẹ hơn nữa anh V thường không có mặt ở nhà nên cần giao cháu Sa Khánh Băng; Sa

Khánh Phương và Sa Nguyễn Tuấn Anh cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Do nguyên đơn không yêu cầu và Bị đơn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Về án phí dân sự: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiên phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Pcho chị được ly hôn với anh Sa Đức V, căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[2]. Về việc vắng mặt Bị đơn: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng măt; Bị đơn anh V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Pđã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Pxét xử vắng mặt Bị đơn là phù hợp.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L; anh V trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Năm 2011 hai bên đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông Trường Phong Hải, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Chị L; anh V sinh sống tại thị trấn Nông Trường Phong Hải, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai đến tháng 7 năm 2023 anh V về sinh sống cùng Bố Mẹ đẻ anh tại khu Minh Thanh, xã Minh Đài từ đó đến nay vợ chồng anh V; chị L không còn chung sống với nhau. Trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, Tòa án đã làm rõ hiện vợ chồng anh, chị đã ly thân, không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị L; anh V đã đến mức trầm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Trong quá trình chung sống chị L; anh V có ba con chung Sa Khánh Băng, sinh ngày 01/5/2011; Sa Khánh Phương, sinh ngày 18/12/2013 và Sa Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 17/01/2018. Theo nguyện vọng cháu Sa Khánh Băng và Sa Khánh Phương được ở cùng chị L và cháu Sa Nguyễn Tuấn Anh còn nhỏ cần được chăm sóc nuôi dưỡng của người Mẹ hơn nữa anh V thường không có mặt ở nhà nên cần giao cháu Sa Khánh Băng; Sa Khánh Phương và Sa Nguyễn Tuấn Anh cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp.

[5]. Về cấp dưỡng tiền nuôi con; tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết và trong suốt quá trình giải quyết vụ án,

anh V vắng mặt nên chưa có yêu cầu về những vấn đề này.Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Sau này chị L; anh V có yêu cầu thì anh; chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định.

[7]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên, là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; 57; khoản 1, 2 Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Sa Đức V.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ba con chung Sa Khánh Băng, sinh ngày 01/5/2011; Sa Khánh Phương, sinh ngày 18/12/2013 và Sa Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 17/01/2018 kể từ tháng 3 năm 2024 đến khi thành niên. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị L không yêu cầu và anh V vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: : Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo Biên lai thu số 0004527 ngày 19/01/2024.

Về quyền kháng cáo: Chị L; anh V có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Chí